

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI TỪ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 778/QĐ-UBND

Đại Từ, ngày 19 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trường THCS Khôi Kỳ; hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI TỪ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023; Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị quyết: Số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan để sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1683/NQ - UBTWQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản

lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 125/2025/NĐ - CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng bộ xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 08/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND xã Đại Từ V/v thành lập Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ;

Căn cứ Công văn số 1308/UBND-KT ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Từ về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư một số dự án đầu tư công năm 2026 xã Đại Từ;

Căn cứ Công văn số 1192/UBND-KT ngày 12/12/2025 của UBND xã Đại Từ V/v: Giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Đại Từ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Trường THCS Khôi Kỳ, hạng mục Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-DVTH ngày 12/02/2026 của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật; Tư vấn thẩm định giá; Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án: Trường THCS Khôi Kỳ, hạng mục Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-DVTH ngày 17/3/2026 của Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật; Tư vấn thẩm định giá; Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án: Trường THCS Khôi Kỳ, hạng mục Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-DVTH ngày 17/3/2026 của Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu các gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật; Tư vấn thẩm định giá; Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án: Trường THCS Khôi Kỳ, hạng mục Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-DVTH ngày 19/3/2026 của Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát dự án: Trường THCS Khôi Kỳ; hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng dự án: Trường THCS Khôi Kỳ; hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng;

Căn cứ Báo cáo số 38-BCTT ngày 26/4/2026 của Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Thái Nguyên Kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Công trình Trường THCS Khôi Kỳ; hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng;

Chứng thư Thẩm định giá số 110/2026/211/CT-CNVB ngày 25/4/2026 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá doanh nghiệp Chi nhánh thẩm định giá và đấu giá Việt Bắc;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số: 16/XD,NN&MT-TĐXD ngày 15/6/2026 của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng dự án: Trường THCS Khôi Kỳ; hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng;

Xét đề nghị của Trung tâm dịch vụ tổng hợp tại Tờ trình số 162/TTr-DVTH ngày 19/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trường THCS Khôi Kỳ; Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng, gồm các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Trường THCS Khôi Kỳ; Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng.
2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng):
3. Địa điểm xây dựng: Trường THCS Khôi Kỳ, xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đại Từ.
5. Chủ đầu tư: Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ.
Địa chỉ: Xóm Bình Sơn, xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây

dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Viện Quy hoạch xây dựng Thái Nguyên.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm C, Công trình dân dụng, cấp III;

8. Mục tiêu dự án:

Khắc phục tình trạng thiếu lớp học và các phòng chức năng khác, xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất đáp ứng cho nhu cầu dạy và học của nhà trường, đảm bảo các tiêu chí của ngành Giáo dục, góp phần phát triển Kinh tế - Xã hội.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1 Phần hiện trạng (tháo dỡ).

Tháo dỡ nhà thư viện có diện tích khoảng 192m² và nhà xe hiện có,

Nội dung tháo dỡ: toàn bộ phần kết cấu công trình đến cốt mặt sân (nền đất hiện trạng) vị trí đặt công trình.

9.2 Phần xây mới. Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng.

a) Phần kiến trúc

* Phương án thiết kế:

Công trình có mặt bằng hình chữ nhật, tổng diện tích sàn 1.234m². Bước gian chính 4,2m, lòng nhà 7,5m, hành lang bên 2,4m (kích thước tim trục); Chiều cao tầng 1, tầng 2, 3 là 3,6m. Tầng 1, 2 mỗi tầng có 04 phòng học (bao gồm phòng học thường và học bộ môn, diện tích khoảng 63,0m²/phòng), tầng 3 có 01 phòng học diện tích khoảng 63,0m², 03 phòng chức năng (phòng truyền thống diện tích khoảng 63,0m², phòng hỗ trợ tư vấn học đường diện tích khoảng 30m², thư viện, diện tích khoảng 90,0m²/phòng) được bố trí dọc theo hành lang ngoài. Sảnh chính được bố trí tại khu vực trung tâm. Hệ thống giao thông đứng gồm 02 thang bộ.

b) Phần kết cấu:

- Phần móng: Móng Trụ BTCT M250# đá 1x2 đổ liền khối dưới cột kết hợp hệ dầm móng BTCT M250# đá 1x2. Bê tông lót móng M100#, đá 4x6 dày 10cm. Tường móng xây gạch không nung VXM M75#. Đắp đất bằng đầm cầm tay độ chặt yêu cầu K=0,95.

- Phần thân: Nhà có kết cấu khung BTCT chịu lực, cột đổ BTCT M250# đá 1x2, kích thước cột C1 (450x220) mm, cột C2 (220x220) mm; Hệ dầm chính với kích thước tiết diện là 220x350mm cho các dầm dọc nhà và các khung ngang có nhịp 2,4m và 3,9m và 4,2m. Tiết diện 220x550 cho khung ngang nhịp 7,5m; Hệ sàn BTCT M250# đá 1x2 dày 12cm; Bậc thang đổ BTCT M250# dày 12cm. Toàn bộ phần tường, bậc cầu thang, tam cấp sử dụng gạch không nung M75#, xây VXM M75#, trát VXM M75# dày trung bình 1,5cm.

- Phần mái: Toàn bộ sàn mái đổ bê tông cốt thép M250# dày 12cm, lợp tôn sóng vuông dày 0,45mm, xà gồ thép hộp mạ kẽm 40x80x2 liên kết với giằng tường thu hồi mái, tường thu hồi xây 220 không trát.

c) Giải pháp hoàn thiện

+ Phần nền: Nền trong các phòng, hành lang, sảnh lát gạch Granite 600x600mm, màu sáng, lót vữa ximang M75#, ốp chân tường cao 15cm trùng mạch gạch nền. Hệ thống bậc tam cấp, cầu thang lát đá Granite, kẻ rãnh chống trơn, lót vữa ximang M75#.

+ Phần tường, cột, dầm, lan can tay vịn: Tường trong và ngoài nhà lăn sơn (01 lớp lót kiềm, 02 lớp sơn màu), Hệ thống lan can, tay vịn hành lang, cầu thang, ban công gia công bằng inox, thép hộp, sơn tĩnh điện.

- Phần cửa, vách kính: Toàn bộ hệ thống cửa đi, cửa sổ, gia công bằng khung nhôm hệ 55, lắp đặt phụ kiện đồng bộ theo hãng, kính an toàn 2 lớp dày 6,38mm. Sen hoa sắt 14x14 sơn hoàn thiện màu trắng (sơn tổng hợp 01 lớp chống rỉ, 02 lớp phủ màu). Vách kính dùng nhôm hệ mặt dựng lộ đồ liền cửa sổ 1 cánh mở hất dày 2,5mm, kính trắng dày 8,38mm.

- Phần trần: Trần trong phòng học và khu vực hành lang, cầu thang, kho, seno lăn sơn màu trắng (01 lớp lót kiềm, 02 lớp sơn màu).

* Phần mái: Lợp tôn dày 0,4mm, xà gồ thép hộp mạ kẽm 40x80x2 liên kết với giằng tường thu hồi mái. Khu vực sàn sê nô mái quanh nhà sơn chống thấm đánh dốc về phễu thu nước.

d) Phần cấp điện, chiếu sáng, chống sét

* Nguồn điện cấp cho công trình:

- Nguồn điện từ lưới điện 0,4 Kv hiện có tại khu vực cấp cho công trình bằng cáp Cu- XLPE /PVC 3x25+1x16mm², treo từ cột vào công trình bằng khoá néo cáp và khoá đỡ cáp.

Cấp điện chủ yếu là chiếu sáng các phòng, trong công trình sử dụng phương thức chiếu sáng chung đều. Ưu tiên chiếu sáng bằng đèn LED 2x20w, khu vực hành lang sử dụng đèn LED gắn trần 12w để chiếu sáng.

Phương án bảo vệ trọng điểm trên nóc mái kim thu sét, sê nô mái, bờ chảy bao quanh công trình (dùng kim và đai thu sét kết hợp). Tiếp địa dùng hệ cọc thép và mạch vòng thép dẹt. Bộ phận nối đất chống sét sử dụng phương pháp mạch vòng bao quanh công trình kết hợp đóng cọc (không được đào chôn). Điện trở tiếp đất của hệ thống: $R_{ht} < 10\Omega$. Khi đo kiểm tra lại nếu chưa đạt phải đóng bổ sung thêm cọc tiếp địa.

e) Phần PCCC

- Hệ thống báo cháy tự động được lắp đặt tại tất cả các khu vực có nguy hiểm cháy của công trình bằng hệ thống báo cháy thường. Tự động phát hiện cháy nhanh

và thông tin chính xác địa điểm xảy ra cháy, chuyển tín hiệu báo cháy khi phát hiện cháy thành tín hiệu báo động rõ ràng bằng âm thanh đặc trưng. Báo động cháy bằng âm thanh đặc trưng (còi, chuông...)

- Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường.
- Ngoài hệ thống chữa cháy họng nước vách tường trên công trình còn được trang bị các bình chữa cháy xách tay phục vụ dập tắt đám cháy mới phát sinh.
- Nguồn điện cấp cho hệ thống PCCC của công trình được cấp từ 01 nguồn điện độc lập (nguồn lấy từ nguồn điện lưới).

9.3 Phần sân bê tông

Làm mới và hoàn trả mặt sân bê tông bị ảnh hưởng do quá trình thi công xây dựng công trình với diện tích (tạm tính) khoảng 353 m² đảm bảo cho xe chữa cháy có thể hoạt động và quay đầu trong sân. Cao độ sân theo cao độ san nền.

- Kết cấu sân đường:
- + Bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm.
- + Cát đệm dày 5cm.
- + Đất nền đầm chặt K90.
- + Trên mặt sân bố trí các khe co giãn kích thước 3m x 3m.

(Chi tiết theo hồ sơ kèm theo)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

* Tiêu chuẩn thiết kế, thiết kế điển hình được áp dụng.

a) Phần kiến trúc:

- QCVN 05/2008/BXD, QCVN 10/2014/BXD, QCVN 01:2021/BXD;
- TCVN 4319 : 2012, Nhà và công trình công cộng – nguyên tắc thiết kế;
- TCVN 8794 : 2021 Trường trung học – yêu cầu thiết kế;

b) Phần kết cấu:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam;
- Tiêu chuẩn TCVN 2737: 2023 Tải trọng và tác động;
- Tiêu chuẩn TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép;
- Tiêu chuẩn TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- Tiêu chuẩn TCVN 5575:2012 Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- Tiêu chuẩn TCVN 9362:2012 Nền nhà và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế;

c) Cấp điện, chiếu sáng, chống sét:

- Nghị định số 106/2005/NĐ - CP ngày 17/8/2005 của CP quy định chi tiết và HD thi hành 1 số điều của Luật Điện Lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.

- Căn cứ tiêu chuẩn quy phạm thiết kế chiếu sáng nhân tạo trong các công trình kiến trúc: (TCN 25-91); (TCN 27-91) và tiêu chuẩn lắp đặt thiết bị điện trong các công trình xây dựng dân dụng (TCXD 27-29).

- Căn cứ tiêu chuẩn chống sét cho các công trình xây dựng dân dụng (TCVN 9385:2012)

- Căn cứ vào tiêu chuẩn nối đất nối không các thiết bị điện (TCVN 4756-89)

- Quy phạm trang bị điện 11 TCN 18-2006 ; 11 TCN 19-2006 ; 11 TCN 20-2006 ; 11 TCN 21-2006 do Bộ Công Nghiệp ban hành.

- Quy chuẩn XDVN - Tập I – 1997; Tuyển tập TC XDVN - Tập VI

- Quy phạm trang bị điện, thiết bị phân phối và TBA - Tập 4 và các tiêu chuẩn quy phạm có liên quan.

- TCVN 9206 2012 -Đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng;

- TCVN 9207 2012 -Đặt dây dẫn điện trong nhà và công trình công cộng;

- Căn cứ mặt bằng tổng thể công trình đã được phê duyệt.

d) Phòng cháy chữa cháy:

- Luật phòng cháy và chữa cháy số 55/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025;

- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, ngày 15/05/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/05/2025 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/05/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- TCVN 2622:1995: Phòng chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 3254:1989: An toàn cháy - Yêu cầu chung.

- TCVN 13456:2022 : Phòng cháy chữa cháy – phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn – yêu cầu thiết kế, lắp đặt.

- TCVN 3991:2012: Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng - thuật ngữ và định nghĩa.

- TCVN 4513 - 88: Cấp nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4878:2009: Phân loại cháy.
- TCVN 4879:1989: Phòng cháy - dấu hiệu an toàn.
- TCVN 5040:1990: Thiết bị phòng cháy và chữa cháy - Ký hiệu hình vẽ trên sơ đồ phòng cháy - yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 13249:2020: An toàn cháy – Từ vựng
- TCVN 7568-14:2025: Hệ thống báo cháy tự động – Phần 14: Thiết kế, lắp đặt các hệ thống báo cháy cho nhà và công trình.
- TCVN 6102 - 2020 ISO 7202:2018 Phòng cháy, chữa cháy-chất chữa cháy- bột.
- QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- QCVN 10:2025/BCA Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình
- Căn cứ các định mức, Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế Việt Nam hiện hành;

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **10.718.484.859 đồng.**

Bằng chữ: Mười tỷ bảy trăm mười tám triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn tám trăm năm mươi chín đồng./.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	8.742.334.017	đồng
- Chi phí thiết bị:	190.300.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	279.835.062	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	908.110.041	đồng
- Chi phí khác:	85.262.794	đồng
- Chi phí dự phòng:	512.642.945	đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án (thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của giai đoạn thực hiện dự án): 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Nguồn vốn tài trợ của tập đoàn Công nghệ – Năng lượng quốc gia Việt Nam (Đơn vị hỗ trợ trực tiếp là Tổng công ty Việt Nam, Công ty cổ phần(PV Gas): 10.000.000.000 đồng và nguồn vốn Ngân sách xã: 718.484.859 đồng

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp

quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không thực hiện.

16. Các nội dung khác: Không.

Điều 2. Giao Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ căn cứ vào các quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các Luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành luật tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Giao Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho UBND xã trong công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ, Trưởng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, các cá nhân, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (Thực hiện);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Phòng GD số 3 – KBNN KV VII;
- Lưu: VT.UBND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Hưng